



ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 621

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ
B. Cây trong vườn
C. Đàn cá chép trong ao.
D. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh

Câu 2. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
C. làm tăng mức độ sinh sản
D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 3. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ cạnh tranh cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
B. Chó rừng sống thành bầy đàn.
C. Bò Nong xếp thành hàng để bắt cá
D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 4. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới Amazon.
D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 5. Tập hợp sinh vật nào sau đây không phải là quần thể?

- A. Tập hợp cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
B. Tập hợp cây cọ ở trên quả đồi Phú Thọ.
C. Tập hợp cây cỏ Hồng trên một đồng cỏ
D. Tập hợp cá sinh sống ở Hồ Tây.

Câu 6. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

- A. cạnh tranh cùng loài. B. hỗ trợ cùng loài. C. hỗ trợ khác loài. D. cộng sinh.

Câu 7. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

- A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
C. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.
D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 8. Tỷ lệ đực:cái của một quần thể sinh vật thường xấp xỉ là:

- A.1:1. B.2:1. C.2:3 D.1:3.

Câu 9. Số lượng từng loại tuổi cá thể ở mỗi quần thể phản ánh:

- A. tuổi thọ quần thể. B. tỉ lệ giới tính.
C. tỉ lệ phân hoá. D. tỉ lệ nhóm tuổi hoặc cấu trúc tuổi.

Câu 10. Tuổi sinh lí là:

- A. thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể. B. tuổi bình quân của quần thể.
C. thời gian sống thực tế của cá thể. D. thời điểm có thể sinh sản.

Câu 11. Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên:

- A. tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ. B. dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.
C. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái. D. tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.



Câu 12. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
- C. duy trì mật độ hợp lý của quần thể.
- D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 13. Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi:

- A. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 14. Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là:

- A. tận dụng nguồn sống thuận lợi.
- B. phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.
- C. giảm cạnh tranh cùng loài.
- D. hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài.

Câu 15. Mật độ của quần thể là:

- A. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định nào đó.
- B. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định nào đó trong một đơn vị diện tích nào đó của quần thể.
- C. khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.
- D. số lượng cá thể có trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

Câu 16. Phần lớn quần thể sinh vật trong tự nhiên tăng trưởng theo dạng:

- A. tăng dần đều.
- B. đường cong chữ S.
- C. đường cong chữ J.
- D. giảm dần đều.

Câu 17. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

- A. dưới mức tối thiểu.
- B. mức tối đa.
- C. mức tối thiểu.
- D. mức cân bằng

Câu 18. Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C .

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì là

- A. (2) và (4).
- B. (2) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (1) và (3).

Câu 19. Nhân tố sinh thái nào không chi phối bởi mật độ cá thể của quần thể?

- A. Vô sinh.
- B. Động vật.
- C. Thực vật.
- D. Hữu sinh.

Câu 20. Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là

- A. biến động kích thước.
- B. biến động di truyền.
- C. biến động số lượng.
- D. biến động cấu trúc.

Câu 21. Nhân tố dễ gây biến động số lượng ở sinh vật biến nhiệt là

- A. ánh sáng.
- B. độ ẩm.
- C. không khí.
- D. nhiệt độ.

Câu 22. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể bị kìm hãm ở mức nhất định bởi quan hệ sinh thái trong quần xã gọi là:

- A. cân bằng sinh học
- B. cân bằng quần thể
- C. giới hạn sinh thái
- D. khống chế sinh học.

Câu 23. Tính đa dạng về loài của quần xã là:

- A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài
- B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã
- C. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát
- D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

Câu 24. Quần xã sinh vật là

- A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau
- B. một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.
- C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau

D. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

Câu 25. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?

- A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ
D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

Câu 26. Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm
D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 27. Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm, kí sinh
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.
D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 28. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi, còn một loài không có lợi hoặc có hại là mối quan hệ nào?

- A. Quan hệ cộng sinh
B. Quan hệ hợp tác
C. Quan hệ hội sinh
D. Quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 29. Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn "thủy triều đỏ" ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

- A. hội sinh
B. hợp tác
C. Ức chế - cảm nhiễm
D. cạnh tranh

Câu 30. Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hợp tác.
B. hội sinh.
C. kí sinh - vật chủ.
D. cộng sinh.

Câu 31. Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hội sinh.
B. hợp tác.
C. cạnh tranh.
D. cộng sinh.

Câu 32. Mối quan hệ nào sau đây đem lại lợi ích hoặc ít nhất không có hại cho các loài tham gia ?

- A. Một số loài tảo biển nở hoa và các loài tôm, cá sống trong cùng một môi trường
B. Cây tầm gửi sống trên thân các cây gỗ lớn trong rừng
C. Dây tơ hồng sống trên tán các cây trong rừng
D. Loài cá ép sống bám trên các loài cá lớn

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)

Câu 2. Cho các ví dụ sau:

1. Hải quỳ và cua
2. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ
3. Trùng roi và mối
4. Dây tơ hồng trên thân cây gỗ
5. Lúa và cỏ dại
6. Chim kền kền ăn thịt thừa của thú
7. Kiến và cây kiến
8. Cá ép sống bám trên cá lớn
9. Cây nắp ấm và ruồi
10. Tỏi và 1 số loài xung quanh nó.
11. Hươu và cỏ
12. Cú và chồn

Hãy sắp xếp các ví dụ trên thuộc mối quan hệ nào sau đây?

- A. Cộng sinh:
B. Hội sinh:
C. Cạnh tranh:
D. Sinh vật này ăn sinh vật khác:

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 622

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?

- A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ
D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

Câu 2. Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm
D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 3. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
C. làm tăng mức độ sinh sản
D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 4. Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hội sinh. B. hợp tác. C. cạnh tranh. D. cộng sinh.

Câu 5. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ cạnh tranh cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
B. Chó rừng sống thành bầy đàn.
C. Chim Bồ Nông xếp thành hàng để bắt cá
D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 6. Quần xã sinh vật là

- A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau
B. một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.
C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau
D. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

Câu 7. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi, còn một loài không có lợi hoặc có hại là mối quan hệ nào?

- A. Quan hệ cộng sinh B. Quan hệ hợp tác
C. Quan hệ hội sinh D. Quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 8. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới Amazon.
D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 9. Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm, kí sinh
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.
D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 10. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ B. Cây trong vườn
C. Đàn cá chép trong ao. D. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh

Câu 11. Tập hợp sinh vật nào sau đây không phải là quần thể?

- A. Tập hợp cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
- B. Tập hợp cây cọ ở trên quả đồi Phú Thọ.
- C. Tập hợp cây cỏ Hồng trên một đồng cỏ
- D. Tập hợp cá sinh sống ở Hồ Tây.

Câu 12. Tỉ lệ đực:cái của một quần thể sinh vật thường xấp xỉ là:

- A.1:1. B.2:1. C.2:3 D.1:3.

Câu 13. Số lượng từng loại tuổi cá thể ở mỗi quần thể phản ánh:

- A. tuổi thọ quần thể. B. tỉ lệ giới tính.
- C. tỉ lệ phân hoá. D. tỉ lệ nhóm tuổi hoặc cấu trúc tuổi.

Câu 14. Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên:

- A. tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ. B. dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.
- C. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái. D. tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

Câu 15. Tính đa dạng về loài của quần xã là:

- A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài
- B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã
- C. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát
- D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

Câu 16. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
- C. duy trì mật độ hợp lí của quần thể.
- D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 17. Mật độ của quần thể là:

- A. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định nào đó.
- B. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định nào đó trong một đơn vị diện tích nào đó của quần thể.
- C. khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.
- D. số lượng cá thể có trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

Câu 18. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

- A. cạnh tranh cùng loài. B. hỗ trợ cùng loài. C. hỗ trợ khác loài. D. cộng sinh.

Câu 19. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

- A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
- B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- C. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.
- D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 20. Phân lớn quần thể sinh vật trong tự nhiên tăng trưởng theo dạng:

- A. tăng dần đều. B. đường cong chữ S. B. đường cong chữ J. D. giảm dần đều.

Câu 21. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

- A. dưới mức tối thiểu. B. mức tối đa.
- C. mức tối thiểu. D. mức cân bằng

Câu 22. Nhân tố sinh thái nào không chi phối bởi mật độ cá thể của quần thể?

- A. Vô sinh. B. Động vật. C. Thực vật. D. Hữu sinh.

Câu 23. Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là

- A. biến động kích thước. B. biến động di truyền.
- C. biến động số lượng. D. biến động cấu trúc.

Câu 24. Nhân tố dễ gây biến động số lượng ở sinh vật biến nhiệt là

- A. ánh sáng. B. độ ẩm. C. không khí. D. nhiệt độ.

Câu 25. Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

- (1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8° C.
- (2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.
- (3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.
- (4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì là

A. (2) và (4).

B. (2) và (3).

C. (1) và (4).

D. (1) và (3).

Câu 26. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể bị kìm hãm ở mức nhất định bởi quan hệ sinh thái trong quần xã gọi là:

A. cân bằng sinh học

B. cân bằng quần thể

C. giới hạn sinh thái

D. khống chế sinh học.

Câu 27. Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi:

A. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

B. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 28. Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là:

A. tận dụng nguồn sống thuận lợi.

B. phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.

C. giảm cạnh tranh cùng loài.

D. hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài.

Câu 29. Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

A. hội sinh

B. hợp tác

C. Ức chế - cảm nhiễm

D. cạnh tranh

Câu 30. Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ

A. hợp tác.

B. hội sinh.

C. kí sinh - vật chủ.

D. cộng sinh.

Câu 31. Tuổi sinh lí là:

A. thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể.

B. tuổi bình quân của quần thể.

C. thời gian sống thực tế của cá thể.

D. thời điểm có thể sinh sản

Câu 32. Mối quan hệ nào sau đây đem lại lợi ích hoặc ít nhất không có hại cho các loài tham gia ?

A. Một số loài tảo biển nở hoa và các loài tôm, cá sống trong cùng một môi trường

B. Cây tầm gửi sống trên thân các cây gỗ lớn trong rừng

C. Dây tơ hồng sống trên tán các cây trong rừng

D. Loài cá ép sống bám trên các loài cá lớn

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)

Câu 2. Cho các ví dụ sau:

1. Hải quỳ và cua

2. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

3. Trùng roi và mối

4. Dây tơ hồng trên thân cây gỗ

5. Lúa và cỏ dại

6. Chim kền kền ăn thịt thừa của thú

7. Kiến và cây kiến

8. Cá ép sống bám trên cá lớn

9. Cây nắp ấm và ruồi

10. Tòi và 1 số loài xung quanh nó.

11. Hươu và cỏ

12. Cú và chồn

Hãy sắp xếp các ví dụ trên thuộc mối quan hệ nào sau đây?

A. Cộng sinh:

B. Hội sinh:

C. Cạnh tranh:

D. Sinh vật này ăn sinh vật khác:

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN

Thời gian làm bài : 50 phút



MÃ ĐỀ 623

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi:

- A. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 2. Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là

- A. biến động kích thước.
- B. biến động di truyền.
- C. biến động số lượng.
- D. biến động cấu trúc.

Câu 3. Nhân tố dễ gây biến động số lượng ở sinh vật biến nhiệt là

- A. ánh sáng.
- B. độ ẩm.
- C. không khí.
- D. nhiệt độ.

Câu 4. Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là:

- A. tận dụng nguồn sống thuận lợi.
- B. phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.
- C. giảm cạnh tranh cùng loài.
- D. hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài.

Câu 5. Phần lớn quần thể sinh vật trong tự nhiên tăng trưởng theo dạng:

- A. tăng dần đều.
- B. đường cong chữ S.
- C. đường cong chữ J.
- D. giảm dần đều.

Câu 6. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

- A. dưới mức tối thiểu.
- B. mức tối đa.
- C. mức tối thiểu.
- D. mức cân bằng

Câu 7. Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
- B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm, kí sinh
- C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.
- D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 8. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi, còn một loài không có lợi hoặc có hại là mối quan hệ nào?

- A. Quan hệ cộng sinh
- B. Quan hệ hợp tác
- C. Quan hệ hội sinh
- D. Quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 9. Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8° C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì là

- A. (2) và (4).
- B. (2) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (1) và (3).

Câu 10. Tảo biến khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

- A. hội sinh
- B. hợp tác
- C. Ức chế - cảm nhiễm
- D. cạnh tranh

Câu 11. Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hợp tác.
- B. hội sinh.
- C. kí sinh - vật chủ.
- D. cộng sinh.

Câu 12. Nhân tố sinh thái nào không chi phối bởi mật độ cá thể của quần thể?

- A. Vô sinh.
- B. Động vật.
- C. Thực vật.
- D. Hữu sinh.

Câu 13. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể bị kìm hãm ở mức nhất định bởi quan hệ sinh thái trong quần xã gọi là:

- A. cân bằng sinh học
- B. cân bằng quần thể



C. giới hạn sinh thái

D. khống chế sinh học.

Câu 14. Mật độ của quần thể là:

A. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định nào đó.

B. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định nào đó trong một đơn vị diện tích nào đó của quần thể.

C. khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.

D. số lượng cá thể có trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

Câu 15. Quần xã sinh vật là

A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

B. một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.

C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau

D. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

Câu 16. Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở:

A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác

B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm

C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm

D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 17. Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

A. hội sinh.

B. hợp tác.

C. cạnh tranh.

D. cộng sinh.

Câu 18. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?

A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu

B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng

C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ

D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

Câu 19. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

A. Cây cỏ ven bờ

B. Cây trong vườn

C. Đàn cá chép trong ao.

D. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh

Câu 20. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.

B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.

C. làm tăng mức độ sinh sản

D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 21. Tính đa dạng về loài của quần xã là:

A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài

B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã

C. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát

D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

Câu 22. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ cạnh tranh cùng loài?

A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.

B. Chó rừng sống thành bầy đàn.

C. Bò Nong xếp thành hàng để bắt cá

D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 23. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài.

B. hỗ trợ cùng loài.

C. hỗ trợ khác loài.

D. cộng sinh.

Câu 24. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

C. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 25. Tỉ lệ đực:cái của một quần thể sinh vật thường xấp xỉ là:

A. 1:1.

B. 2:1.

C. 2:3

D. 1:3.

Câu 26. Số lượng từng loại tuổi cá thể ở mỗi quần thể phản ánh:

A. tuổi thọ quần thể.

B. tỉ lệ giới tính.

C. tỉ lệ phân hoá.

D. tỉ lệ nhóm tuổi hoặc cấu trúc tuổi.

Câu 27. Tuổi sinh lí là:

- A. thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể.
- B. tuổi bình quân của quần thể.
- C. thời gian sống thực tế của cá thể.
- D. thời điểm có thể sinh sản.

Câu 28. Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên:

- A. tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.
- B. dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.
- C. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.
- D. tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

Câu 29. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
- C. duy trì mật độ hợp lí của quần thể.
- D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 30. Mỗi quan hệ nào sau đây đem lại lợi ích hoặc ít nhất không có hại cho các loài tham gia ?

- A. Một số loài tảo biển nở hoa và các loài tôm, cá sống trong cùng một môi trường
- B. Cây tầm gửi sống trên thân các cây gỗ lớn trong rừng
- C. Dây tơ hồng sống trên tán các cây trong rừng
- D. Loài cá ép sống bám trên các loài cá lớn

Câu 31. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
- B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
- C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới Amazon.
- D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 32. Tập hợp sinh vật nào sau đây không phải là quần thể?

- A. Tập hợp cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
- B. Tập hợp cây cọ ở trên quả đồi Phú Thọ.
- C. Tập hợp cây cỏ Hồng trên một đồng cỏ
- D. Tập hợp cá sinh sống ở Hồ Tây.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mỗi quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)

Câu 2. Cho các ví dụ sau:

1. Hải quỳ và cua
2. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ
3. Trùng roi và mối
4. Dây tơ hồng trên thân cây gỗ
5. Lúa và cỏ dại
6. Chim kền kền ăn thịt thừa của thú
7. Kiến và cây kiến
8. Cá ép sống bám trên cá lớn
9. Cây nắp ấm và ruồi
10. Tỏi và 1 số loài xung quanh nó.
11. Hươu và cỏ
12. Cú và chồn

Hãy sắp xếp các ví dụ trên thuộc mối quan hệ nào sau đây?

- A. Cộng sinh:
- B. Hội sinh:
- C. Cạnh tranh:
- D. Sinh vật này ăn sinh vật khác:

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :





ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 624

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi:

- A. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 2. Khi đánh bắt cá càng được nhiều con non thì nên:

- A. tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.
- B. dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.
- C. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.
- D. tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

Câu 3. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
- C. duy trì mật độ hợp lý của quần thể.
- D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 4. Mỗi quan hệ nào sau đây đem lại lợi ích hoặc ít nhất không có hại cho các loài tham gia ?

- A. Một số loài tảo biển nở hoa và các loài tôm, cá sống trong cùng một môi trường
- B. Cây tầm gửi sống trên thân các cây gỗ lớn trong rừng
- C. Dây tơ hồng sống trên tán các cây trong rừng
- D. Loài cá ép sống bám trên các loài cá lớn

Câu 5. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
- B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
- C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới Amazon.
- D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 6. Tập hợp sinh vật nào sau đây không phải là quần thể?

- A. Tập hợp cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
- B. Tập hợp cây cọ ở trên quả đồi Phú Thọ.
- C. Tập hợp cây cỏ Hồng trên một đồng cỏ
- D. Tập hợp cá sinh sống ở Hồ Tây.

Câu 7. Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là

- A. biến động kích thước.
- B. biến động di truyền.
- C. biến động số lượng.
- D. biến động cấu trúc.

Câu 8. Nhân tố dễ gây biến động số lượng ở sinh vật biến nhiệt là

- A. ánh sáng.
- B. độ ẩm.
- C. không khí.
- D. nhiệt độ.

Câu 9. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ
- B. Cây trong vườn
- C. Đàn cá chép trong ao.
- D. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh

Câu 10. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
- C. làm tăng mức độ sinh sản
- D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 11. Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là:

- A. tận dụng nguồn sống thuận lợi.
- B. phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.
- C. giảm cạnh tranh cùng loài.
- D. hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài.



Câu 12. Phần lớn quần thể sinh vật trong tự nhiên tăng trưởng theo dạng:

- A. tăng dần đều. B. đường cong chữ S. B. đường cong chữ J. D. giảm dần đều.

Câu 13. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

- A. dưới mức tối thiểu. B. mức tối đa.
C. mức tối thiểu. D. mức cân bằng

Câu 14. Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm, kí sinh
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.
D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 15. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi, còn một loài không có lợi hoặc có hại là mối quan hệ nào?

- A. Quan hệ cộng sinh B. Quan hệ hợp tác
C. Quan hệ hội sinh D. Quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 16. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể bị kìm hãm ở mức nhất định bởi quan hệ sinh thái trong quần xã gọi là:

- A. cân bằng sinh học B. cân bằng quần thể
C. giới hạn sinh thái D. khống chế sinh học.

Câu 17. Mật độ của quần thể là:

- A. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định nào đó.
B. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định nào đó trong một đơn vị diện tích nào đó của quần thể.
C. khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.
D. số lượng cá thể có trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

Câu 18. Hai loài sống dựa vào nhau, cùng có lợi nhưng không bắt buộc phải có nhau, là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hội sinh. B. hợp tác. C. cạnh tranh. D. cộng sinh.

Câu 19. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?

- A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

Câu 20. Tính đa dạng về loài của quần xã là:

- A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài
B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã
C. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát
D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

Câu 21. Quần xã sinh vật là

- A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau
B. một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.
C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau
D. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau

Câu 22. Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm
C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 23. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ cạnh tranh cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
B. Chó rừng sống thành bầy đàn.
C. Bò Nùng xếp thành hàng để bắt cá
D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 24. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

- A. cạnh tranh cùng loài. B. hỗ trợ cùng loài. C. hỗ trợ khác loài. D. cộng sinh.

Câu 25. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

- A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
- B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- C. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.
- D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 26. Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

- (1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C .
- (2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.
- (3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.
- (4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì là

- A. (2) và (4).
- B. (2) và (3).
- C. (1) và (4).
- D. (1) và (3).

Câu 27. Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

- A. hội sinh
- B. hợp tác
- C. Ức chế - cảm nhiễm
- D. cạnh tranh

Câu 28. Giun, sán sống trong ruột lợn là biểu hiện của mối quan hệ

- A. hợp tác.
- B. hội sinh.
- C. kí sinh - vật chủ.
- D. cộng sinh.

Câu 29. Nhân tố sinh thái nào không chi phối bởi mật độ cá thể của quần thể?

- A. Vô sinh.
- B. Động vật.
- C. Thực vật.
- D. Hữu sinh.

Câu 30. Tỉ lệ đực:cái của một quần thể sinh vật thường xấp xỉ là:

- A. 1:1.
- B. 2:1.
- C. 2:3
- D. 1:3.

Câu 31. Số lượng từng loại tuổi cá thể ở mỗi quần thể phản ánh:

- A. tuổi thọ quần thể.
- B. tỉ lệ giới tính.
- C. tỉ lệ phân hoá.
- D. tỉ lệ nhóm tuổi hoặc cấu trúc tuổi.

Câu 32. Tuổi sinh lí là:

- A. thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể.
- B. tuổi bình quân của quần thể.
- C. thời gian sống thực tế của cá thể.
- D. thời điểm có thể sinh sản.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)

Câu 2. Cho các ví dụ sau:

1. Hải quỳ và cua
2. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ
3. Trùng roi và mối
4. Dây tơ hồng trên thân cây gỗ
5. Lúa và cỏ dại
6. Chim kền kền ăn thịt thừa của thú
7. Kiến và cây kiến
8. Cá ép sống bám trên cá lớn
9. Cây nắp ấm và ruồi
10. Tỏi và 1 số loài xung quanh nó.
11. Hươu và cỏ
12. Cú và chồn

Hãy sắp xếp các ví dụ trên thuộc mối quan hệ nào sau đây?

- A. Cộng sinh:
- B. Hội sinh:
- C. Cạnh tranh:
- D. Sinh vật này ăn sinh vật khác:

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC



ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020-2021

MÔN SINH – KHỐI 12 KHTN

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu	Đề 621	Đề 622	Đề 623	Đề 624
1	C	B	C	C
2	B	A	C	B
3	A	B	D	A
4	B	B	A	D
5	D	A	B	B
6	B	B	A	D
7	D	C	C	C
8	A	B	C	D
9	D	C	D	C
10	A	C	C	B
11	B	D	C	A
12	A	A	A	B
13	C	D	D	A
14	A	B	D	C
15	D	A	B	C
16	B	A	A	D
17	A	D	B	D
18	D	B	B	B
19	A	D	C	B
20	C	B	B	A
21	D	A	A	B
22	D	A	A	A
23	A	C	B	A
24	B	D	D	B
25	B	D	A	D
26	A	D	D	D
27	C	C	A	C
28	C	A	B	C
29	C	C	A	A
30	C	C	D	A
31	B	A	B	D
32	D	D	D	A

* Mỗi câu đúng HS được 0,25 điểm.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu hỏi	Đáp án
Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)	Giữa các cá thể trong quần thể có mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh - Ví dụ về hỗ trợ (HS cho đúng 2 ví dụ được 0,25 đ) - Ý nghĩa hỗ trợ: (0,25 đ) + Đảm bảo quần thể tồn tại một cách ổn định + Khai thác tối ưu nguồn sống + Tăng khả năng sống sót và sinh sản - Ví dụ về cạnh tranh: (HS cho đúng 2 ví dụ được 0,25 đ) - Ý nghĩa cạnh tranh: (0,25 đ) + Số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể được duy trì ở mức phù hợp, + Đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể.
Câu 2. Cho các ví dụ sau: 1. Hải quỳ và cua 2. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ 3. Trùng roi và mối 4. Dây tơ hồng trên thân cây gỗ 5. Lúa và cỏ dại 6. Chim kền kền ăn thịt thừa của thú 7. Kiến và cây kiến 8. Cá ép sống bám trên cá lớn 9. Cây nắp ấm và ruồi 10. Tỏi và 1 số loài xung quanh nó. 11. Hươu và cỏ 12. Cú và chồn Hãy sắp xếp các ví dụ trên thuộc mối quan hệ nào sau đây? A. Cộng sinh: B. Hội sinh: C. Cạnh tranh: D. Sinh vật này ăn sinh vật khác:	A. Cộng sinh: 1,3,7 (0,25 đ) B. Hội sinh: 6,8 (0,25đ) C. Cạnh tranh: 5, 12 (0,25 đ) D. Sinh vật này ăn sinh vật khác: 9,11 (0,25đ)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHXX
Thời gian làm bài : 50 phút



MÃ ĐỀ 625

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Giới hạn sinh thái là:

- A. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một số nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
- B. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển theo thời gian.
- C. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhiều nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
- D. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật vẫn tồn tại được.

Câu 2. Khái niệm môi trường nào sau đây là đúng?

- A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố hữu sinh ở xung quanh sinh vật.
- B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ở xung quanh sinh vật, trừ nhân tố con người.
- C. Môi trường gồm tất cả các nhân tố xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật; làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.
- D. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh xung quanh sinh vật.

Câu 3. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là:

- A. khoảng thuận lợi của loài.
- B. giới hạn chịu đựng về nhân tố nhiệt độ.
- C. điểm gây chết giới hạn dưới.
- D. điểm gây chết giới hạn trên.

Câu 4. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Khoảng nhiệt độ từ 20°C đến 35°C được gọi là:

- A. giới hạn chịu đựng .
- B. khoảng thuận lợi.
- C. điểm gây chết giới hạn trên.
- D. điểm gây chết giới hạn dưới.

Câu 5. Khoảng thuận lợi là:

- A. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng tự vệ của sinh vật.
- B. khoảng các nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.
- C. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng sinh sản của sinh vật.
- D. khoảng các nhân tố sinh thái đảm bảo tốt nhất cho một loài, ngoài khoảng này sinh vật sẽ không chịu đựng được.

Câu 6. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ
- B. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh
- C. Đàn cá rô trong ao.
- D. Cây trong vườn

Câu 7. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
- C. làm tăng mức độ sinh sản.
- D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 8. Ý nào **không** đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn.
- B. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh.
- C. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn.
- D. Tự vệ tốt hơn.

Câu 9. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.



B. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.

C. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.

D. Tia thừa tự nhiên ở thực vật.

Câu 10. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

A. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.

B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.

D. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?

A. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.

B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu.

D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 12. Khi kích thước của quần thể hữu tính vượt mức tối đa, thì xu hướng thường xảy ra là:

A. giảm hiệu quả nhóm.

B. giảm tỉ lệ sinh.

C. tăng giao phối tự do.

D. tăng cạnh tranh.

Câu 13. Hiện tượng cá thể rời bỏ quần thể này sang quần thể khác được gọi là:

A. mức sinh sản.

B. mức tử vong.

C. sự xuất cư.

D. sự nhập cư.

Câu 14. Hiện tượng các cá thể cùng loài ở quần thể khác chuyển tới sống trong quần thể gọi là:

A. mức sinh sản.

B. mức tử vong.

C. sự xuất cư.

D. sự nhập cư.

Câu 15. Trong tự nhiên, sự tăng trưởng kích thước quần thể chủ yếu là do:

A. sự xuất cư và nhập cư.

B. mức sinh sản và tử vong

C. mức tử vong và xuất cư

D. mức sinh sản và nhập cư.

Câu 16. Kích thước của quần thể sinh vật là:

A. số lượng cá thể hoặc khối lượng sinh vật hoặc năng lượng tích lũy trong các cá thể của quần thể.

B. độ lớn của khoảng không gian mà quần thể đó phân bố.

C. thành phần các kiểu gen biểu hiện thành cấu trúc di truyền của quần thể.

D. tương quan tỉ lệ giữa tỉ lệ tử vong với tỉ lệ sinh sản biểu thị tốc độ sinh trưởng của quần thể.

Câu 17. Xét các yếu tố sau đây:

I: Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.

II: Mức độ nhập cư và xuất cư của các cá thể và hoặc ra khỏi quần thể.

III: Tác động của các nhân tố sinh thái và lượng thức ăn trong môi trường.

IV: Sự tăng giảm lượng cá thể của kẻ thù, mức độ phát sinh bệnh tật trong quần thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi kích thước của quần thể là:

A. I và II.

B. I, II, III và IV.

C. I, II và III.

D. I, II và IV.

Câu 18. Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

A. kích thước tối thiểu.

B. kích thước tối đa.

C. kích thước bất ổn.

D. kích thước phát tán.

Câu 19. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

A. dưới mức tối thiểu.

B. mức tối đa.

C. mức tối thiểu.

D. mức cân bằng

Câu 20. Nếu kích thước của quần thể xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể sẽ suy thoái và dễ bị diệt vong vì nguyên nhân chính là:

A. sức sinh sản giảm.

B. mất hiệu quả nhóm.

C. gen lặn có hại biểu hiện.

D. không kiếm đủ ăn.

Câu 21. Kích thước tối đa của quần thể bị giới hạn bởi yếu tố nào?

A. Tỉ lệ sinh của quần thể.

B. Tỉ lệ tử của quần thể.

C. Nguồn sống của quần thể

D. Sức chứa của môi trường.

Câu 22. Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

A. tuổi sinh thái.

B. tuổi sinh lí.

C. tuổi trung bình.

D. tuổi quần thể.

Câu 23. Các cực trị của kích thước quần thể là gì?

1. Kích thước tối thiểu. 2. Kích thước tối đa. 3. Kích thước trung bình. 4. Kích thước vừa phải.

Phương án đúng là:

A. 1, 2, 3.

B. 1, 2.

C. 2, 3, 4.

D. 3, 4.

Câu 24. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài.

B. hỗ trợ khác loài.

C. cộng sinh.

D. hỗ trợ cùng loài

Câu 25. Tập hợp những quần thể nào sau đây là quần thể sinh vật?

A. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.

B. Những con cá sống trong Hồ Tây.

C. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

D. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc Gia Cát Tiên.

Câu 26. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật có thể dẫn tới:

A. giảm kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu.

B. tăng kích thước quần thể tới mức tối đa.

C. duy trì số lượng cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp.

D. tiêu diệt lẫn nhau giữa các cá thể trong quần thể, làm cho quần thể bị diệt vong.

Câu 27. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

Câu 28. Hiện tượng cá mập con khi mới nở ăn các trứng chưa nở và phôi nở sau thuộc mối quan hệ nào?

A. Quan hệ hỗ trợ.

B. Cạnh tranh khác loài.

C. Kí sinh cùng loài.

D. Cạnh tranh cùng loài.

Câu 29. Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?

A. Đa dạng loài.

B. Tỷ lệ đực, cái.

C. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

D. Mật độ cá thể.

Câu 30. Kiểu phân bố theo nhóm của các cá thể trong quần thể động vật thường gặp khi

A. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. điều kiện sống phân bố đồng đều, các cá thể có tính lãnh thổ cao.

D. điều kiện sống phân bố không đồng đều, các cá thể có xu hướng sống tụ họp với nhau (bầy, đàn).

Câu 31. Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm

A. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít.

B. cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn, tuổi thọ lớn.

C. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản ít, đòi hỏi điều kiện chăm sóc nhiều.

D. cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.

Câu 32. Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

A. phát triển thuận lợi nhất.

B. có sức sống trung bình.

C. có sức sống giảm dần.

D. chết hàng loạt.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)

Câu 2. Các kiểu phân bố và ý nghĩa của các cá thể trong quần thể?

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHXH
Thời gian làm bài : 50 phút



MÃ ĐỀ 626

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là:

- A. khoảng thuận lợi của loài. B. giới hạn chịu đựng về nhân tố nhiệt độ.
C. điểm gây chết giới hạn dưới. D. điểm gây chết giới hạn trên.

Câu 2. Kiểu phân bố theo nhóm của các cá thể trong quần thể động vật thường gặp khi

- A. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
C. điều kiện sống phân bố đồng đều, các cá thể có tính lãnh thổ cao.
D. điều kiện sống phân bố không đồng đều, các cá thể có xu hướng sống tụ hợp với nhau (bầy, đàn).

Câu 3. Khoảng thuận lợi là:

- A. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng tự vệ của sinh vật.
B. khoảng các nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.
C. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng sinh sản của sinh vật.
D. khoảng các nhân tố sinh thái đảm bảo tốt nhất cho một loài, ngoài khoảng này sinh vật sẽ không chịu đựng được.

Câu 4. Ý nào **không** đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn. B. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh.
C. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn. D. Tự vệ tốt hơn.

Câu 5. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
B. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.
C. Tia thưa tự nhiên ở thực vật.
D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 6. Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm

- A. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản ít, đòi hỏi điều kiện chăm sóc nhiều.
B. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít.
C. cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn, tuổi thọ lớn.
D. cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.

Câu 7. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Khoảng nhiệt độ từ 20°C đến 35°C được gọi là:

- A. giới hạn chịu đựng B. điểm gây chết giới hạn trên.
C. khoảng thuận lợi D. điểm gây chết giới hạn dưới.

Câu 8. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.
D. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 9. Hiện tượng cá thể rời bỏ quần thể này sang quần thể khác được gọi là:

- A. mức sinh sản. B. mức tử vong. C. sự xuất cư. D. sự nhập cư.

Câu 10. Hiện tượng các cá thể cùng loài ở quần thể khác chuyển tới sống trong quần thể gọi là:

- A. mức sinh sản. B. sự nhập cư. C. mức tử vong. D. sự xuất cư.



Câu 11. Các cực trị của kích thước quần thể là gì?

1. Kích thước tối thiểu. 2. Kích thước tối đa. 3. Kích thước trung bình. 4. Kích thước vừa phải.
Phương án đúng là:

A. 1, 2, 3. B. 1, 2. C. 2, 3, 4. D. 3, 4.

Câu 12. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài. B. hỗ trợ khác loài. C. cộng sinh. D. hỗ trợ cùng loài

Câu 13. Trong tự nhiên, sự tăng trưởng kích thước quần thể chủ yếu là do:

A. sự xuất cư và nhập cư. B. mức sinh sản và tử vong
C. mức tử vong và xuất cư D. mức sinh sản và nhập cư.

Câu 14. Giới hạn sinh thái là:

A. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một số nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
B. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhiều nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
C. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật vẫn tồn tại được.
D. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển theo thời gian.

Câu 15. Xét các yếu tố sau đây:

I: Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.
II: Mức độ nhập cư và xuất cư của các cá thể và hoặc ra khỏi quần thể.
III: Tác động của các nhân tố sinh thái và lượng thức ăn trong môi trường.
IV: Sự tăng giảm lượng cá thể của kẻ thù, mức độ phát sinh bệnh tật trong quần thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi kích thước của quần thể là:

A. I và II. B. I, II, III và IV. C. I, II và III. D. I, II và IV.

Câu 16. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

A. Cây cỏ ven bờ B. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh
C. Đàn cá rô trong ao. D. Cây trong vườn

Câu 17. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
C. làm tăng mức độ sinh sản.
D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 18. Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

A. kích thước tối thiểu. B. kích thước tối đa.
C. kích thước bất ổn. D. kích thước phát tán.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?

A. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.
B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.
C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu.
D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 20. Khi kích thước của quần thể hữu tính vượt mức tối đa, thì xu hướng thường xảy ra là:

A. giảm hiệu quả nhóm. B. giảm tỉ lệ sinh.
C. tăng giao phối tự do. D. tăng cạnh tranh.

Câu 21. Nếu kích thước của quần thể xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể sẽ suy thoái và dễ bị diệt vong vì nguyên nhân chính là:

A. sức sinh sản giảm. B. mất hiệu quả nhóm.
C. gen lặn có hại biểu hiện. D. không kiếm đủ ăn.

Câu 22. Kích thước tối đa của quần thể bị giới hạn bởi yếu tố nào?

A. Tỉ lệ sinh của quần thể. B. Tỉ lệ tử của quần thể.
C. Nguồn sống của quần thể D. Sức chứa của môi trường.

Câu 23. Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?

A. Đa dạng loài. B. Tỉ lệ đực, cái. C. Tỉ lệ các nhóm tuổi. D. Mật độ cá thể.

Câu 24. Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

A. phát triển thuận lợi nhất.

B. có sức sống trung bình.

C. có sức sống giảm dần.

D. chết hàng loạt.

Câu 25. Tuổi sinh thái là:

A. tuổi thọ tối đa của loài.

B. tuổi bình quân của quần thể.

C. tuổi thọ do môi trường quyết định.

D. thời gian sống thực tế của cá thể.

Câu 26. Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

A. tuổi sinh thái.

B. tuổi sinh lí.

C. tuổi trung bình.

D. tuổi quần thể.

Câu 27. Tập hợp những quần thể nào sau đây là quần thể sinh vật?

A. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.

B. Những con cá sống trong Hồ Tây.

C. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

D. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc Gia Cát Tiên.

Câu 28. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật có thể dẫn tới:

A. giảm kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu.

B. tăng kích thước quần thể tới mức tối đa.

C. duy trì số lượng cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp.

D. tiêu diệt lẫn nhau giữa các cá thể trong quần thể, làm cho quần thể bị diệt vong.

Câu 29. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

A. dưới mức tối thiểu.

B. mức tối đa.

C. mức tối thiểu.

D. mức cân bằng

Câu 30. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

Câu 31. Khái niệm môi trường nào sau đây là đúng?

A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố hữu sinh ở xung quanh sinh vật.

B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ở xung quanh sinh vật, trừ nhân tố con người.

C. Môi trường gồm tất cả các nhân tố xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật; làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

D. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh xung quanh sinh vật.

Câu 32. Kích thước của quần thể sinh vật là:

A. số lượng cá thể hoặc khối lượng sinh vật hoặc năng lượng tích lũy trong các cá thể của quần thể.

B. độ lớn của khoảng không gian mà quần thể đó phân bố.

C. thành phần các kiểu gen biểu hiện thành cấu trúc di truyền của quần thể.

D. tương quan tỉ lệ giữa tỉ lệ tử vong với tỉ lệ sinh sản biểu thị tốc độ sinh trưởng của quần thể

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể?

Câu 2. Các kiểu phân bố và ý nghĩa của các cá thể trong quần thể?

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :





ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHXH
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 627

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Kiểu phân bố theo nhóm của các cá thể trong quần thể động vật thường gặp khi

- A. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. điều kiện sống phân bố đồng đều, các cá thể có tính lãnh thổ cao.
- D. điều kiện sống phân bố không đồng đều, các cá thể có xu hướng sống tụ họp với nhau (bầy, đàn).

Câu 2. Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

- A. tuổi sinh thái. B. tuổi sinh lí. C. tuổi trung bình. D. tuổi quần thể.

Câu 3. Tập hợp những quần thể nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc Gia Cát Tiên.
- B. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.
- C. Những con cá sống trong Hồ Tây.
- D. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

Câu 4. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật có thể dẫn tới:

- A. giảm kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu. B. tăng kích thước quần thể tới mức tối đa.
- C. duy trì số lượng cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp.
- D. tiêu diệt lẫn nhau giữa các cá thể trong quần thể, làm cho quần thể bị diệt vong.

Câu 5. Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm

- A. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít. .
- B. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản ít, đòi hỏi điều kiện chăm sóc nhiều.
- C. cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.
- D. cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn, tuổi thọ lớn

Câu 6. Khái niệm môi trường nào sau đây là đúng?

- A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố hữu sinh ở xung quanh sinh vật.
- B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh xung quanh sinh vật.
- C. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ở xung quanh sinh vật, trừ nhân tố con người.
- D. Môi trường gồm tất cả các nhân tố xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật; làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

Câu 7. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến 5,6°C, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C, trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C. Từ 5,6°C đến 42°C được gọi là:

- A. khoảng thuận lợi của loài. B. giới hạn chịu đựng về nhân tố nhiệt độ.
- C. điểm gây chết giới hạn dưới. D. điểm gây chết giới hạn trên.

Câu 8. Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

- A. phát triển thuận lợi nhất. B. có sức sống trung bình.
- C. có sức sống giảm dần. D. chết hàng loạt.

Câu 9. Giới hạn sinh thái là:

- A. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một số nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
- B. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhiều nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
- C. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển theo thời gian.



D. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật vẫn tồn tại được.

Câu 10. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
- B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.
- D. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?

- A. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.
- B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.
- C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu.
- D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 12. Khi kích thước của quần thể hữu tính vượt mức tối đa, thì xu hướng thường xảy ra là:

- A. giảm hiệu quả nhóm.
- B. giảm tỉ lệ sinh.
- C. tăng giao phối tự do.
- D. tăng cạnh tranh.

Câu 13. Trong tự nhiên, sự tăng trưởng kích thước quần thể chủ yếu là do:

- A. sự xuất cư và nhập cư.
- B. mức sinh sản và tử vong
- C. mức tử vong và xuất cư
- D. mức sinh sản và nhập cư.

Câu 14. Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

- A. kích thước tối thiểu.
- B. kích thước tối đa.
- C. kích thước bất ổn.
- D. kích thước phát tán.

Câu 15. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

- A. dưới mức tối thiểu.
- B. mức tối đa.
- C. mức tối thiểu.
- D. mức cân bằng

Câu 16. Ý nào **không** đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn.
- B. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh.
- C. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn.
- D. Tự vệ tốt hơn.

Câu 17. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
- B. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau
- C. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.
- D. Tia thưa tự nhiên ở thực vật.

Câu 18. Các cực trị của kích thước quần thể là gì?

- 1. Kích thước tối thiểu. 2. Kích thước tối đa. 3. Kích thước trung bình. 4. Kích thước vừa phải.

Phương án đúng là:

- A. 1, 2, 3. B. 1, 2. C. 2, 3, 4. D. 3, 4.

Câu 19. Khoảng thuận lợi là:

- A. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng tự vệ của sinh vật.
- B. khoảng các nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.
- C. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng sinh sản của sinh vật.
- D. khoảng các nhân tố sinh thái đảm bảo tốt nhất cho một loài, ngoài khoảng này sinh vật sẽ không chịu đựng được.

Câu 20. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ
- B. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh
- C. Đàn cá rô trong ao.
- D. Cây trong vườn

Câu 21. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
- C. làm tăng mức độ sinh sản.
- D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 22. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài. B. hỗ trợ khác loài. C. cộng sinh. D. hỗ trợ cùng loài

Câu 23. Nếu kích thước của quần thể xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể sẽ suy thoái và dễ bị diệt vong vì nguyên nhân chính là:

A. sức sinh sản giảm. B. mất hiệu quả nhóm.
C. gen lặn có hại biểu hiện. D. không kiếm đủ ăn.

Câu 24. Kích thước tối đa của quần thể bị giới hạn bởi yếu tố nào?

A. Tỷ lệ sinh của quần thể. B. Tỷ lệ tử của quần thể.
C. Nguồn sống của quần thể. D. Sức chứa của môi trường.

Câu 25. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

Câu 26. Hiện tượng cá thể rời bỏ quần thể này sang quần thể khác được gọi là:

A. mức sinh sản. B. mức tử vong. C. sự xuất cư. D. sự nhập cư.

Câu 27. Kích thước của quần thể sinh vật là:

A. số lượng cá thể hoặc khối lượng sinh vật hoặc năng lượng tích lũy trong các cá thể của quần thể.
B. độ lớn của khoảng không gian mà quần thể đó phân bố.
C. thành phần các kiểu gen biểu hiện thành cấu trúc di truyền của quần thể.
D. tương quan tỷ lệ giữa tỷ lệ tử vong với tỷ lệ sinh sản biểu thị tốc độ sinh trưởng của quần thể.

Câu 28. Xét các yếu tố sau đây:

I: Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.
II: Mức độ nhập cư và xuất cư của các cá thể và hoặc ra khỏi quần thể.
III: Tác động của các nhân tố sinh thái và lượng thức ăn trong môi trường.
IV: Sự tăng giảm lượng cá thể của kẻ thù, mức độ phát sinh bệnh tật trong quần thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi kích thước của quần thể là:

A. I và II. B. I, II, III và IV. C. I, II và III. D. I, II và IV.

Câu 29. Hiện tượng các cá thể cùng loài ở quần thể khác chuyển tới sống trong quần thể gọi là:

A. mức sinh sản. B. mức tử vong. C. sự xuất cư. D. sự nhập cư.

Câu 30. Hiện tượng cá mập con khi mới nở ăn các trứng chưa nở và phôi nở sau thuộc mối quan hệ nào?

A. Quan hệ hỗ trợ. B. Cạnh tranh khác loài.
C. Kí sinh cùng loài. D. Cạnh tranh cùng loài.

Câu 31. Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?

A. Đa dạng loài. B. Tỷ lệ đực, cái. C. Tỷ lệ các nhóm tuổi. D. Mật độ cá thể.

Câu 32. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến 5,6°C, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C, trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C. Khoảng nhiệt độ từ 20°C đến 35°C được gọi là:

A. giới hạn chịu đựng. B. khoảng thuận lợi.
C. điểm gây chết giới hạn trên. D. điểm gây chết giới hạn dưới.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể?

Câu 2. Các kiểu phân bố và ý nghĩa của các cá thể trong quần thể?

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :





ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN SINH – KHỐI 12 KHXH
Thời gian làm bài : 50 phút

MÃ ĐỀ 628

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là:

- A. khoảng thuận lợi của loài. B. giới hạn chịu đựng về nhân tố nhiệt độ.
C. điểm gây chết giới hạn dưới. D. điểm gây chết giới hạn trên.

Câu 2. Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

- A. phát triển thuận lợi nhất. B. có sức sống trung bình.
C. có sức sống giảm dần. D. chết hàng loạt.

Câu 3. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Khoảng nhiệt độ từ 20°C đến 35°C được gọi là:

- A. giới hạn chịu đựng. B. khoảng thuận lợi.
C. điểm gây chết giới hạn trên. D. điểm gây chết giới hạn dưới.

Câu 4. Nhóm cá thể nào dưới đây là một quần thể?

- A. Cây cỏ ven bờ B. Cá chép và cá vàng trong bể cá cảnh
C. Đàn cá rô trong ao. D. Cây trong vườn

Câu 5. Giới hạn sinh thái là:

- A. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một số nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
B. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển theo thời gian.
C. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhiều nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.
D. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật vẫn tồn tại được.

Câu 6. Ý nào **không** đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn. B. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh.
C. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn. D. Tự vệ tốt hơn.

Câu 7. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.
B. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
C. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.
D. Tia thưa tự nhiên ở thực vật.

Câu 8. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.
D. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

Câu 9. Khi kích thước của quần thể hữu tính vượt mức tối đa, thì xu hướng thường xảy ra là:

- A. giảm hiệu quả nhóm. B. giảm tỉ lệ sinh.
C. tăng giao phối tự do. D. tăng cạnh tranh.

Câu 10. Tập hợp những quần thể nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.



B. Những con cá sống trong Hồ Tây.

C. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

D. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc Gia Cát Tiên.

Câu 11. Hiện tượng cá thể rời bỏ quần thể này sang quần thể khác được gọi là:

A. mức sinh sản.

B. mức tử vong.

C. sự xuất cư.

D. sự nhập cư.

Câu 12. Đặc trưng nào sau đây **không** phải là đặc trưng của quần thể?

A. Đa dạng loài.

B. Tỷ lệ đực, cái.

C. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

D. Mật độ cá thể.

Câu 13. Kiểu phân bố theo nhóm của các cá thể trong quần thể động vật thường gặp khi

A. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. điều kiện sống phân bố đồng đều, các cá thể có tính lãnh thổ cao.

D. điều kiện sống phân bố không đồng đều, các cá thể có xu hướng sống tụ họp với nhau (bầy, đàn).

Câu 14. Hiện tượng các cá thể cùng loài ở quần thể khác chuyển tới sống trong quần thể gọi là:

A. mức sinh sản.

B. mức tử vong.

C. sự xuất cư.

D. sự nhập cư.

Câu 15. Khoảng thuận lợi là:

A. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng tự vệ của sinh vật.

B. khoảng các nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

C. khoảng nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp cho khả năng sinh sản của sinh vật.

D. khoảng các nhân tố sinh thái đảm bảo tốt nhất cho một loài, ngoài khoảng này sinh vật sẽ không chịu đựng được.

Câu 16. Khi số lượng cá thể của quần thể ở mức cao nhất để quần thể có khả năng duy trì phù hợp nguồn sống thì gọi là:

A. kích thước tối thiểu.

B. kích thước tối đa.

C. kích thước bất ổn.

D. kích thước phát tán.

Câu 17. Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

A. dưới mức tối thiểu.

B. mức tối đa.

C. mức tối thiểu.

D. mức cân bằng

Câu 18. Nếu kích thước của quần thể xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể sẽ suy thoái và dễ bị diệt vong vì nguyên nhân chính là:

A. sức sinh sản giảm.

B. mất hiệu quả nhóm.

C. gen lặn có hại biểu hiện.

D. không kiếm đủ ăn.

Câu 19. Kích thước tối đa của quần thể bị giới hạn bởi yếu tố nào?

A. Tỷ lệ sinh của quần thể.

B. Tỷ lệ tử của quần thể.

C. Nguồn sống của quần thể

D. Sức chứa của môi trường.

Câu 20. Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

A. tuổi sinh thái.

B. tuổi sinh lý.

C. tuổi trung bình.

D. tuổi quần thể.

Câu 21. Các cực trị của kích thước quần thể là gì?

1. Kích thước tối thiểu. 2. Kích thước tối đa. 3. Kích thước trung bình. 4. Kích thước vừa phải.

Phương án đúng là:

A. 1, 2, 3.

B. 1, 2.

C. 2, 3, 4.

D. 3, 4.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?

A. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.

B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu.

D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 23. Một số loài cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau. Hiện tượng này thể hiện ở mối quan hệ:

A. cạnh tranh cùng loài.

B. hỗ trợ khác loài.

C. cộng sinh.

D. hỗ trợ cùng loài

Câu 24. Khái niệm môi trường nào sau đây là đúng?

A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố hữu sinh ở xung quanh sinh vật.

B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ở xung quanh sinh vật, trừ nhân tố con người.

C. Môi trường gồm tất cả các nhân tố xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật; làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

D. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh xung quanh sinh vật.

Câu 25. Trong tự nhiên, sự tăng trưởng kích thước quần thể chủ yếu là do:

- A. sự xuất cư và nhập cư.
- B. mức sinh sản và tử vong
- C. mức tử vong và xuất cư
- D. mức sinh sản và nhập cư.

Câu 26. Kích thước của quần thể sinh vật là:

- A. số lượng cá thể hoặc khối lượng sinh vật hoặc năng lượng tích lũy trong các cá thể của quần thể.
- B. độ lớn của khoảng không gian mà quần thể đó phân bố.
- C. thành phần các kiểu gen biểu hiện thành cấu trúc di truyền của quần thể.
- D. tương quan tỉ lệ giữa tỉ lệ tử vong với tỉ lệ sinh sản biểu thị tốc độ sinh trưởng của quần thể.

Câu 27. Xét các yếu tố sau đây:

- I: Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.
- II: Mức độ nhập cư và xuất cư của các cá thể và hoặc ra khỏi quần thể.
- III: Tác động của các nhân tố sinh thái và lượng thức ăn trong môi trường.
- IV: Sự tăng giảm lượng cá thể của kẻ thù, mức độ phát sinh bệnh tật trong quần thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi kích thước của quần thể là:

- A. I và II.
- B. I, II, III và IV.
- C. I, II và III.
- D. I, II và IV.

Câu 28. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm:

- A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.
- C. làm tăng mức độ sinh sản.
- D. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

Câu 29. Hiện tượng cá mập con khi mới nở ăn các trứng chưa nở và phôi nở sau thuộc mối quan hệ nào?

- A. Quan hệ hỗ trợ.
- B. Cạnh tranh khác loài.
- C. Kí sinh cùng loài.
- D. Cạnh tranh cùng loài.

Câu 30. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật có thể dẫn tới:

- A. giảm kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu.
- B. tăng kích thước quần thể tới mức tối đa.
- C. duy trì số lượng cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp.
- D. tiêu diệt lẫn nhau giữa các cá thể trong quần thể, làm cho quần thể bị diệt vong.

Câu 31. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

- A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
- B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường

Câu 32. Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm

- A. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít.
- B. cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn, tuổi thọ lớn.
- C. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản ít, đòi hỏi điều kiện chăm sóc nhiều.
- D. cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể?

Câu 2. Các kiểu phân bố và ý nghĩa của các cá thể trong quần thể?

...Hết...

Họ tên HS : Số báo danh : Lớp :



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC



ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020-2021

MÔN SINH – KHỐI 12 KHXH

I. TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu	Đề 625	Đề 626	Đề 627	Đề 628
1	B	B	D	B
2	C	D	B	A
3	B	B	A	B
4	B	B	C	C
5	B	D	A	B
6	C	B	D	B
7	B	C	B	A
8	B	B	A	B
9	A	C	C	D
10	B	B	B	D
11	D	B	D	C
12	D	D	D	A
13	C	B	B	D
14	D	D	B	D
15	B	B	A	B
16	A	C	B	B
17	B	B	B	A
18	B	B	B	A
19	A	D	B	B
20	A	D	C	B
21	B	A	B	B
22	B	B	D	D
23	B	A	A	D
24	D	A	B	C
25	D	D	B	B
26	C	B	C	A
27	B	D	A	B
28	D	C	B	B
29	A	A	D	D
30	D	B	D	C
31	A	C	A	B
32	A	A	B	A

* Mỗi câu đúng HS được 0,25 điểm.

II. TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu hỏi	Đáp án
Câu 1. Cho ví dụ và nêu ý nghĩa của mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể? (mỗi mối quan hệ ít nhất 2 ví dụ)	Giữa các cá thể trong quần thể có mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh - Ví dụ về hỗ trợ (HS cho đúng 2 ví dụ được 0,25 đ) - Ý nghĩa hỗ trợ: (0,25 đ) + Đảm bảo quần thể tồn tại một cách ổn định + Khai thác tối ưu nguồn sống + Tăng khả năng sống sót và sinh sản - Ví dụ về cạnh tranh: (HS cho đúng 2 ví dụ được 0,25 đ) - Ý nghĩa cạnh tranh: (0,25 đ) + Số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể được duy trì ở mức phù hợp, + Đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể.
Câu 2. Các kiểu phân bố và ý nghĩa của các cá thể trong quần thể?	- Nêu được 3 kiểu phân bố theo nhóm, phân bố đồng phân bố ngẫu nhiên (0,25 đ) - Phân bố theo nhóm: hỗ trợ lẫn nhau qua hiệu quả nhóm (0,25 đ) -Phân bố đồng đều: làm giảm mức độ cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể (0,25 đ) -Phân bố ngẫu nhiên: tận dụng được nguồn sống tiềm tàng trong môi trường (0,25 đ)